

Số: 3985 /QĐ-UBND

Huế, ngày 29 tháng 12 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc phê duyệt Khung kiến trúc số thành phố Huế**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính thành phố;*

*Căn cứ Nghị quyết số 1675/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Huế năm 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;*

*Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi cập nhật Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia do Chính phủ ban hành;*

*Căn cứ Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 2618/QĐ-BKHCN ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành Danh mục và kế hoạch triển khai các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng;*

*Căn cứ Quyết định số 3090/QĐ-BKHCN ngày 08 tháng 10 năm 2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số;*

*Căn cứ Quyết định số 3410/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Huế về việc ban hành Danh mục và kế hoạch triển khai các nền tảng số của thành phố Huế, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực;*

*Căn cứ Quyết định số 1443/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Huế về việc ban hành Danh mục dữ liệu thành phố Huế;*

*Căn cứ Kế hoạch số 405/KH-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2024 của UBND thành phố Huế về Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố Huế) năm 2025;*

*Căn cứ Kế hoạch số 339/KH-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2025 của UBND thành phố Huế về triển khai Nghị quyết 214/NQ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ về ban hành Kế hoạch hành động về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện;*

*Căn cứ Kế hoạch số 387/KH-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2025 của UBND thành phố Huế về việc triển khai chiến lược dữ liệu trên địa bàn thành phố Huế đến năm 2030;*

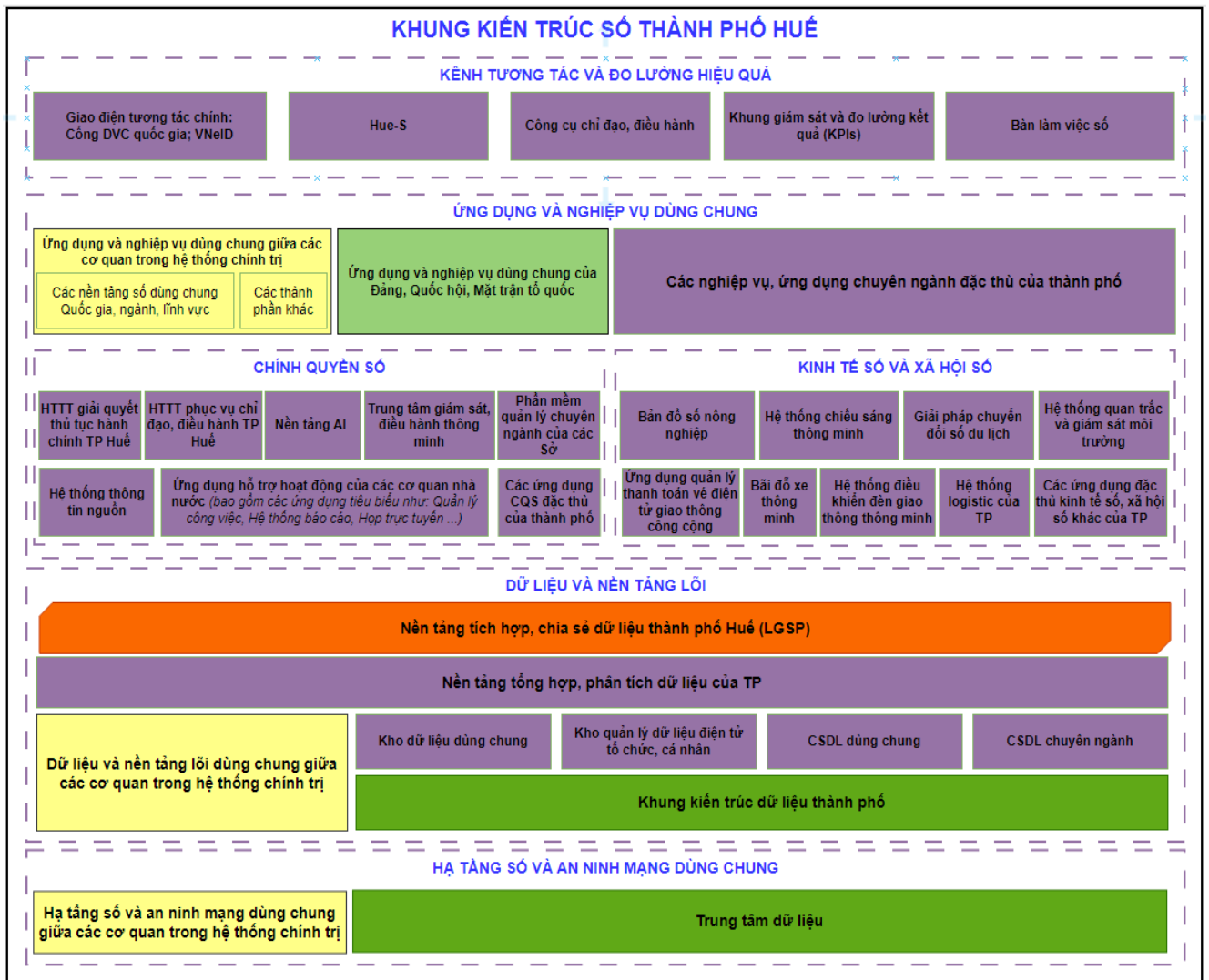
*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Khung kiến trúc số thành phố Huế”, với các nội dung chủ yếu sau:

### I. NỘI DUNG:

#### 1. Khung kiến trúc số thành phố Huế



*Sơ đồ khái quát Khung kiến trúc số thành phố Huế*

Mô hình Khung kiến trúc số thành phố Huế gồm 4 lớp cơ bản sau: Lớp Hạ tầng số và an ninh mạng dùng chung; Lớp Dữ liệu và nền tảng lõi; Lớp Ứng dụng và nghiệp vụ dùng chung; Lớp Kênh tương tác và đo lường hiệu quả.

Mô hình này được mô tả chi tiết thông qua các Kiến trúc thành phần sau:

#### a) Lớp Hạ tầng số và an ninh mạng dùng chung

Đây là lớp nền tảng vật lý và logic, cung cấp các tài nguyên cơ bản và kết nối an toàn cho các cơ quan chính quyền trên địa bàn thành phố Huế, bao gồm:

- Triển khai Hạ tầng số và an ninh mạng dùng chung giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị: tuân thủ các nội dung được tại điểm a mục 3 phần II của Quyết định số 3090/QĐ-KHCN ngày 08/10/2025.

- Xây dựng, triển khai Hạ tầng số và an ninh mạng giữa các cơ quan trong thành phố gồm: Trung tâm dữ liệu thành phố; hạ tầng mạng kết nối; hạ tầng trang thiết bị; hạ tầng an ninh mạng;...

#### b) Lớp Dữ liệu và nền tảng lõi

Đây là lớp trung tâm, có vai trò quan trọng của Mô hình, nơi dữ liệu được tạo ra, lưu trữ, chia sẻ và xử lý thành tri thức. Dữ liệu trong các CSDL phải được chuẩn hóa, bảo đảm nguyên tắc “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”, bao gồm:

- Dữ liệu và nền tảng lõi dùng chung giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị được mô tả tại điểm b, khoản 3, mục 2 Quyết định 3090/QĐ-BKHCN ngày 08/10/2025.

Ngoài ra còn có:

- Kho dữ liệu dùng chung thành phố.
- Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân.
- Các CSDL dùng chung, CSDL chuyên ngành, ...
- Khung kiến trúc dữ liệu thành phố.

#### c) Lớp Ứng dụng và nghiệp vụ dùng chung

- Về chính quyền số:

- + Ứng dụng và nghiệp vụ dùng chung giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị gồm: Cổng Dịch vụ công quốc gia; Cổng dữ liệu quốc gia; Trục Liên thông văn bản quốc gia; Hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia (bao gồm Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ và Hệ thống thông tin báo cáo bộ, cơ quan, địa phương); Hệ thống thư điện tử (email) công vụ thống nhất; Hệ thống thư điện tử phục vụ tiếp nhận thông báo do cơ quan nhà nước gửi đến; Nền tảng họp trực tuyến quốc gia; Nền tảng quản lý cán bộ, công chức, viên chức quốc gia; Nền tảng điều hành an ninh mạng quốc gia do Bộ Công an quản lý, thực hiện giám sát an ninh mạng tập trung, phát hiện và điều phối ứng phó sự cố; Nền tảng Bình dân học vụ số; Các nền tảng, ứng dụng chuyên ngành đặc thù phục vụ công tác tuyên giáo, dân vận, quản lý biên giới, cảnh báo thiên tai và các nhiệm vụ khác của các cơ quan trong hệ thống chính trị.

- + Các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng.
- + Các ứng dụng và nghiệp vụ dùng chung của Đảng, Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc.
- + Các nghiệp vụ, ứng dụng chuyên ngành đặc thù của thành phố.
- + Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu thành phố: Là hạ tầng kết nối, chia sẻ dữ liệu thành phố phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong cùng cơ quan. Hạ tầng kết nối, chia sẻ dữ liệu thành phố kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia để kết nối ra bên ngoài.
- + Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thành phố: là hệ thống thông tin được phát triển để tiếp nhận, giải quyết, theo dõi, đánh giá chất lượng thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền giải quyết của thành phố.
- + Hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành thành phố: là hệ thống thông tin được phát triển để phục vụ quá trình chỉ đạo, điều hành trên môi trường điện tử của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn thành phố.
- + Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu: Nhằm lưu trữ tập trung, tổng hợp, phân tích, xử lý dữ liệu về phát triển kinh tế - xã hội từ các nguồn khác nhau, từ đó tạo ra thông tin mới, dịch vụ dữ liệu mới phục vụ Chính quyền số, hướng tới việc hình thành Kho dữ liệu dùng chung thành phố.
- + Trung tâm giám sát, điều hành thông minh thành phố: Cho phép tổng hợp tất cả các nguồn thông tin, dữ liệu của địa phương trên tất cả các lĩnh vực, cung cấp cái nhìn tổng thể theo thời gian thực đối với các đối tượng liên quan, qua đó, giúp người ra quyết định các cấp có khả năng giám sát, điều hành, phân tích dữ liệu lớn và hỗ trợ ra quyết định.
- + Phần mềm quản lý chuyên ngành của các Sở: đối với các phần mềm, hệ thống thông tin quản lý chuyên ngành của các Sở, trước khi có nhu cầu xây dựng, triển khai, phải có văn bản xin ý kiến thống nhất của Bộ, ngành quản lý chuyên ngành. Việc này nhằm bảo đảm tính pháp lý, thống nhất, tránh trùng lặp chức năng với hệ thống của Bộ, ngành, đồng thời bảo đảm khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu theo quy định của Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số.
- + Hệ thống thông tin nguồn thành phố: Là hệ thống thông tin được thiết lập để cung cấp thông tin nguồn cho đài truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông của thành phố. Hệ thống thông tin nguồn thành phố còn có chức năng thu thập tổng hợp, phân tích, quản lý dữ liệu, đánh giá hiệu quả hoạt động thông tin cơ sở phục vụ công tác quản lý nhà nước tại địa phương.
- + Nền tảng AI thành phố: Là hạ tầng và dịch vụ AI dùng chung trong phạm

vi thành phố, cung cấp năng lực tính toán, mô hình và công cụ phát triển ứng dụng để phục vụ chính quyền số, đô thị thông minh, kinh tế số và dịch vụ công. Nền tảng này gồm các dịch vụ AI lõi (xử lý tiếng Việt và ngôn ngữ dân tộc, thị giác máy tính, phân tích dự báo, cảnh báo thiên tai, quản lý đô thị – môi trường), kho mô hình và API mở để phát triển ứng dụng AI địa phương, tích hợp trợ lý ảo phục vụ người dân, doanh nghiệp và các ứng dụng AI chuyên ngành. Việc vận hành phải tuân thủ nguyên tắc AI có trách nhiệm, bảo đảm minh bạch, an toàn, đồng thời kết nối, chia sẻ dữ liệu qua LGSP thành phố, tích hợp vào NDXP, NDOP và đồng bộ với Nền tảng AI quốc gia.

+ Ứng dụng hỗ trợ hoạt động của các cơ quan nhà nước (bao gồm các ứng dụng tiêu biểu như: Quản lý công việc, Hệ thống báo cáo, Hợp trực tuyến...).

+ Các ứng dụng chính quyền số đặc thù khác của thành phố.

- Về kinh tế số và xã hội số

+ Bản đồ số nông nghiệp: Hệ thống công nghệ hiện đại hỗ trợ số hóa vùng trồng, giúp quản lý thông tin cây trồng và đất đai hiệu quả. Tính năng truy xuất nguồn gốc đảm bảo minh bạch, tăng niềm tin thị trường. Cảnh báo thời tiết kịp thời giúp nông dân ứng phó khí hậu, giảm rủi ro. Tích hợp hệ thống quan trắc môi trường cung cấp dữ liệu đất, nước, không khí, hỗ trợ quyết định canh tác chính xác, nâng cao năng suất và phát triển nông nghiệp bền vững.

+ Hệ thống chiếu sáng thông minh: Hệ thống chiếu sáng công cộng tại các khu vực đô thị bằng các thiết bị chiếu sáng thông minh, tiết kiệm điện, tích hợp cảm biến ánh sáng và chuyển động để tự động điều chỉnh độ sáng theo nhu cầu thực tế, hỗ trợ điều khiển tự động hoặc từ xa, từ đó giúp nâng cao chất lượng chiếu sáng và giảm thiểu tiêu hao, sử dụng năng lượng.

+ Giải pháp chuyển đổi số du lịch: Áp dụng các công nghệ tiên tiến như số hóa 3D, VR 360, AI, ...bao gồm: Hỗ trợ du khách trong và ngoài nước toàn diện 24/7 và cung cấp thông tin theo thời gian thực; Hỗ trợ đa ngôn ngữ, đa nền tảng và nội dung đa phương tiện; Trải nghiệm du lịch ảo và thực tế tăng cường; Đặt lịch thông minh, tích hợp bản đồ và định vị thông minh; Tích hợp dữ liệu và phân tích; Tích hợp sản phẩm OCOP và đặc sản địa phương; Kết nối cộng đồng và chia sẻ trải nghiệm; Tạo trải nghiệm ảo (VR/AR), thuyết minh tự động và cá nhân hóa thông tin, từ đó nâng cao trải nghiệm, giáo dục và bảo tồn di sản.

+ Hệ thống quan trắc và giám sát môi trường: Giải pháp công nghệ kết hợp quan trắc và giám sát môi trường trong một nền tảng thống nhất nhằm thu thập dữ liệu liên tục về các thông số môi trường, quản lý tập trung dữ liệu, có thể phân tích và đưa ra cảnh báo tự động khi phát hiện các biến động, rủi ro môi trường.

+ Ứng dụng quản lý thanh toán vé điện tử giao thông công cộng: Quản lý tập trung thanh toán vé điện tử của các phương tiện vận tải hành khách, xe điện tại các điểm du lịch trên địa bàn thành phố.

+ Bãi đỗ xe thông minh: Cho phép người dùng xem thông tin bãi đỗ, đặt chỗ trước và thanh toán trực tuyến, tăng tiện lợi và giảm thời gian tìm kiếm chỗ đỗ; là giải pháp ứng dụng công nghệ nhằm tối ưu hóa quản lý bãi đỗ xe, giảm ùn tắc giao thông, tiết kiệm thời gian cho người dân và thúc đẩy phát triển kinh tế số tại địa phương.

+ Hệ thống điều khiển đèn giao thông thông minh: Quản lý, điều khiển tập trung các hệ thống đèn giao thông thông minh được triển khai tại các giao lộ lớn của các đô thị tại địa phương.

+ Hệ thống logistic của thành phố: Điều hành hoạt động các doanh nghiệp logistic trong thành phố bao gồm các đơn vị vận tải, các đơn vị dịch vụ logistic, kho bãi; Tổng hợp dữ liệu giúp hoạch định nguồn lực tối ưu của thành phố; tích hợp chặt chẽ với các cơ sở dữ liệu quốc gia liên quan đến các doanh nghiệp logistic.

Khi xây dựng và triển khai các hệ thống thông tin, nền tảng số, các địa phương phải bảo đảm không trùng lặp với các hệ thống dùng chung đã được cơ quan khác chủ trì xây dựng, ban hành và vận hành; ưu tiên sử dụng, tích hợp và mở rộng trên cơ sở các hệ thống hiện có để tiết kiệm nguồn lực, bảo đảm tính thống nhất và khả năng liên thông trên phạm vi toàn quốc..

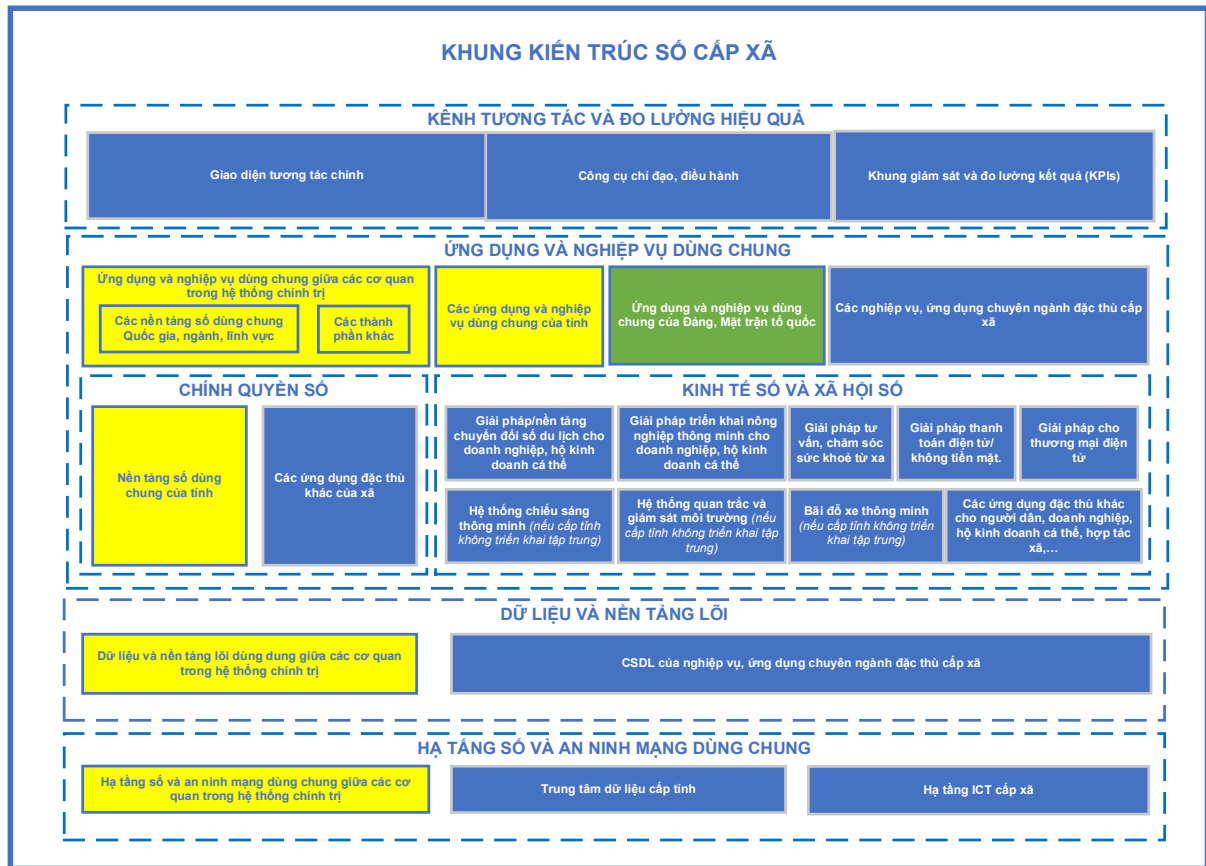
#### d) Lớp Kênh tương tác và đo lường hiệu quả

- Đây là lớp giao diện, nơi người dùng (cán bộ, công chức, viên chức, người dân, doanh nghiệp) tương tác với hệ thống và là nơi hiệu quả của toàn bộ Mô hình được đo lường.

- ATTT, ANM là một thành phần quan trọng và có mặt xuyên suốt trong tất cả các thành phần của kiến trúc, giúp cho việc đảm bảo ATTT khi triển khai chuyển đổi số. Nội dung bảo đảm ATTT bao gồm các nội dung chính như: Bảo vệ an toàn thiết bị, an toàn mạng, an toàn hệ thống, an toàn ứng dụng CNTT, an toàn dữ liệu, quản lý và giám sát. Các nội dung này cần được triển khai đồng bộ tại các cấp đáp ứng nhu cầu thực tế và xu thế phát triển công nghệ.

## **2. Khung kiến trúc số cấp xã**

Căn cứ theo Khung kiến trúc số tham chiếu cấp xã tại mục 7, Phụ lục 1, Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số, các tỉnh, thành phố đưa ra Khung kiến trúc số cấp xã, thể hiện rõ các thành phần dùng chung (từ trung ương, từ thành phố) và các thành phần cấp xã chủ động triển khai theo nhu cầu đặc thù.



### Sơ đồ khái quát Khung kiến trúc số cấp xã

Khung kiến trúc số cấp xã sẽ là một thành phần của Khung kiến trúc số thành phố, bao gồm các phân lớp như sau:

#### a) Hạ tầng số và an ninh mạng dùng chung

Đây là lớp nền tảng vật lý và logic, cung cấp các tài nguyên cơ bản và kết nối an toàn cho các cơ quan cấp xã, bao gồm:

- Hạ tầng số và an ninh mạng dùng chung giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị

- Hạ tầng số và an ninh mạng dùng chung giữa các cơ quan trong thành phố được nêu tại điểm a, khoản 1, Điều 1 Lớp hạ tầng số và an ninh mạng dùng chung của thành phố.

- Sử dụng hạ tầng Trung tâm dữ liệu thành phố.

- Hạ tầng ICT cấp xã: Mạng cấp xã (mạng nội bộ (Intranet) và mạng Internet), mạng truyền số liệu chuyên dùng, hệ thống wifi công cộng, hệ thống Internet vạn vật, hệ thống bảng điện tử công cộng, hệ thống camera an ninh, hệ thống truyền thanh thông minh và hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến.

#### b) Dữ liệu và nền tảng lõi

Đây là lớp trung tâm, có vai trò quan trọng của Mô hình, nơi dữ liệu được tạo ra, lưu trữ, chia sẻ và xử lý thành tri thức. Dữ liệu trong các cơ sở dữ liệu (CSDL) phải được chuẩn hóa, bảo đảm nguyên tắc “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”, bao gồm:

- Dữ liệu và nền tảng lõi dùng chung giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị
- Dữ liệu và nền tảng lõi dùng chung giữa các cơ quan trong thành phố nêu tại điểm b, khoản 1, Điều 1 Lớp dữ liệu và nền tảng lõi.
- CSDL của nghiệp vụ, ứng dụng chuyên ngành đặc thù cấp xã gồm:

#### c) Ứng dụng và nghiệp vụ dùng chung

Lớp này bao gồm các hệ thống ứng dụng, nền tảng số phục vụ các nghiệp vụ chung, xuyên suốt trong toàn hệ thống chính trị, được xây dựng trên nguyên tắc dùng chung để tránh trùng lặp, lãng phí, bao gồm:

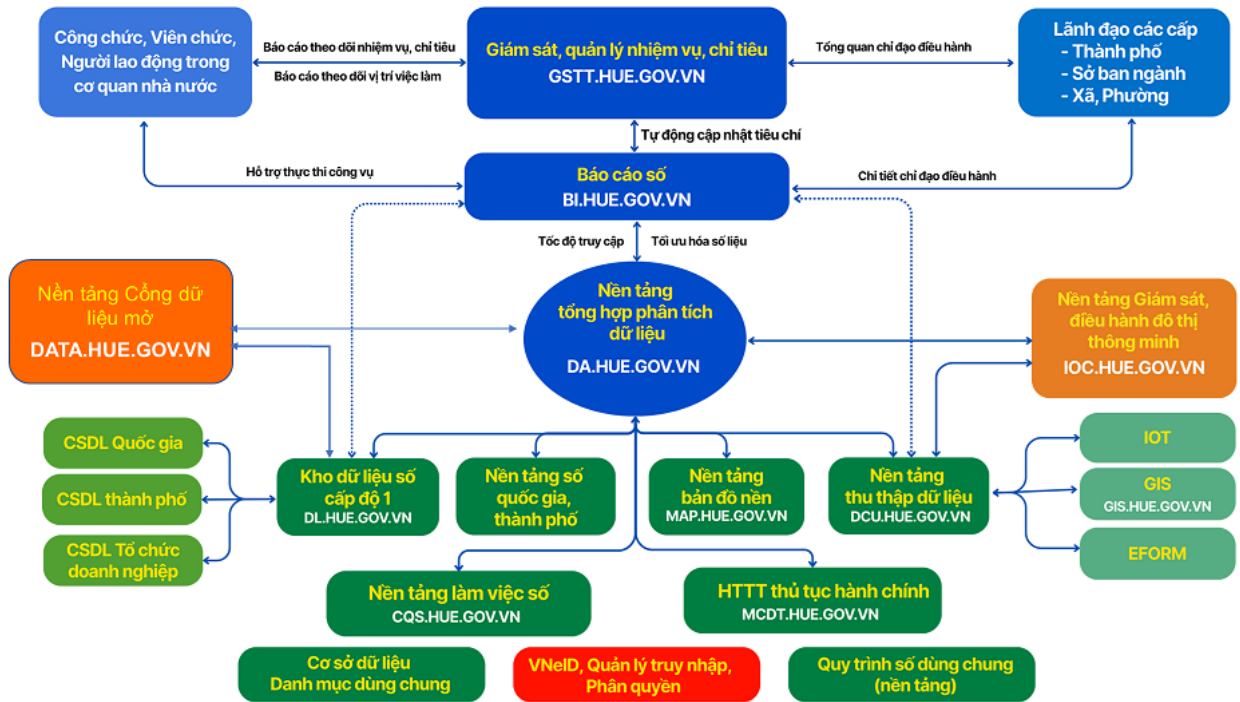
- Ứng dụng và nghiệp vụ dùng chung giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị.
- Các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng.
- Các ứng dụng và nghiệp vụ dùng chung của Đảng, Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.
- Các ứng dụng và nghiệp vụ dùng chung của thành phố nêu tại điểm c, khoản 1, Điều 1 Ứng dụng và nghiệp vụ dùng chung.
- Các nghiệp vụ, ứng dụng chuyên ngành đặc thù cấp xã.

#### d) Kênh tương tác và đo lường hiệu quả

Đây là lớp giao diện, nơi người dùng (cán bộ, công chức, viên chức, người dân, doanh nghiệp) cấp xã tương tác với hệ thống, bao gồm:

- Triển khai các kênh giao tiếp chính gồm: Cổng Dịch vụ công Quốc gia (dành cho giao diện web) và Ứng dụng VNeID (dành cho di động); Cổng thông tin điện tử; Hệ thống thông tin giải quyết TTHC; Các kênh tiếp cận hỗ trợ (điểm hỗ trợ tại cộng đồng, dịch vụ lưu động...) bảo đảm mọi người dân đều có thể tiếp cận.
- Triển khai các công cụ chỉ đạo, điều hành: Các Bảng thông tin điều hành (Dashboard) giám sát, điều hành dùng chung tại thành phố. Các dashboard này trực quan hóa dữ liệu từ Nền tảng AI, cung cấp cho lãnh đạo cái nhìn toàn cảnh, thời gian thực về tình hình, làm cơ sở cho việc ra quyết định.
- Triển khai Khung giám sát và đo lường kết quả (KPIs) thành phố

### 3. Kiến trúc Chính quyền số thành phố Huế



Sơ đồ khái quát Kiến trúc Chính quyền số thành phố

Kiến trúc Chính quyền số thành phố Huế được xây dựng nhằm hỗ trợ công tác quản lý, điều hành của chính quyền các cấp, nâng cao hiệu quả phục vụ người dân và doanh nghiệp. Kiến trúc Chính quyền số thành phố Huế được thiết kế theo mô hình phân tầng, tích hợp dữ liệu tập trung, đảm bảo tính liên thông, bảo mật và khả năng mở rộng. Sơ đồ kiến trúc bao gồm các nền tảng cốt lõi, hệ thống hỗ trợ và luồng dữ liệu, tập trung vào việc sử dụng công nghệ số để giám sát, báo cáo và chỉ đạo điều hành theo thời gian thực.

#### a) Mô tả tổng quát về kiến trúc hệ thống

Kiến trúc hệ thống được chia thành các tầng chính, với trung tâm là nền tảng tích hợp dữ liệu, kết nối các nguồn dữ liệu từ cơ sở đến quốc gia. Hệ thống hỗ trợ hai nhóm người dùng chính: (i) Lãnh đạo các cấp (từ thành phố đến xã/phường); (ii) Công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan nhà nước. Hệ thống đảm bảo tính logic trong luồng dữ liệu: từ thu thập, tích hợp, phân tích đến báo cáo và sử dụng, tuân thủ các quy định về an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân theo pháp luật Việt Nam.

#### b) Các thành phần chính của hệ thống

- Nền tảng tổng hợp phân tích dữ liệu (<https://da.hue.gov.vn>): Nhằm lưu trữ tập trung, tổng hợp, phân tích, xử lý dữ liệu về phát triển kinh tế - xã hội từ các nguồn khác nhau, từ đó tạo ra thông tin mới, dịch vụ dữ liệu mới phục vụ Chính quyền số, hướng tới việc hình thành Kho dữ liệu dùng chung thành phố.

- Nền tảng dữ liệu mở (<https://data.hue.gov.vn>): Cung cấp dữ liệu công

khai cho công chúng, bao gồm thông tin về quy hoạch, ngân sách, dịch vụ công và các chỉ số kinh tế - xã hội. Dữ liệu được cập nhật từ cơ sở dữ liệu quốc gia và địa phương, đảm bảo tính minh bạch và dễ tiếp cận thông qua cổng thông tin điện tử.

- Trung tâm giám sát đô thị thông minh (<https://ioc.hue.gov.vn>): Cho phép tổng hợp tất cả các nguồn thông tin, dữ liệu của địa phương trên tất cả các lĩnh vực, cung cấp cái nhìn tổng thể theo thời gian thực đối với các đối tượng liên quan, qua đó, giúp người ra quyết định các cấp có khả năng giám sát, điều hành, phân tích dữ liệu lớn và hỗ trợ ra quyết định.

- Hệ thống báo cáo số (<https://bi.hue.gov.vn>): thông qua nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung. Dữ liệu được xử lý từ các nguồn khác nhau và được hiển thị trực quan hóa trên các bảng điều khiển kỹ thuật số (dashboard) thông qua các loại biểu đồ giúp việc theo dõi, so sánh, đánh giá, giám sát và đưa ra quyết định phục vụ chỉ đạo điều hành trên nhiều lĩnh vực được rõ ràng, trực quan. Hỗ trợ công tác báo cáo được kịp thời, chính xác.

- Hệ thống giám sát nhiệm vụ và chỉ tiêu (<https://gstt.hue.gov.vn>): Hệ thống này quản lý việc giao nhiệm vụ, theo dõi tiến độ và đánh giá kết quả thực hiện của các cơ quan nhà nước. Nó tích hợp với nền tảng trung tâm để cập nhật tự động, hỗ trợ báo cáo theo cấp độ từ tỉnh đến xã/phường.

- Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính: là hệ thống thông tin được phát triển để tiếp nhận, giải quyết, theo dõi, đánh giá chất lượng thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền giải quyết của thành phố.

- Nền tảng làm việc số phục vụ chính quyền: yêu cầu khai thác, sử dụng có hiệu quả; rà soát và thực hiện kết nối, chia sẻ thông tin, đảm bảo các giải pháp để thúc đẩy phát triển nền tảng làm việc số; chủ động cập nhật, thường xuyên phối hợp và thực hiện theo các yêu cầu của Sở Khoa học và Công nghệ trong việc nâng cấp, phát triển nền tảng làm việc số để đưa toàn bộ hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước lên không gian số.

- Nền tảng bản đồ số: Hiển thị bản đồ tất cả dữ liệu sau khi thu thập và tổng hợp sẽ được đưa lên bản đồ. Tạo ra hệ thống hiển thị dữ liệu và quản lý dữ liệu dùng chung cho toàn thành phố. Áp dụng các bài toán từ thực tế vào hệ thống để phục vụ các nhu cầu quản lý.

c) Cơ sở dữ liệu kết nối (CSDL):

- Bao gồm CSDL quốc gia, CSDL thành phố, CSDL tổ chức doanh nghiệp đảm bảo liên thông dữ liệu giữa các cấp chính quyền.

- Lớp bảo mật và quản lý truy cập: Sử dụng VNeID để xác thực người dùng, quản lý phân quyền và danh mục dùng chung. Toàn bộ hệ thống áp dụng quy trình sử dụng chung để đảm bảo an toàn dữ liệu.

## II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

### 1. Sở Khoa học và Công nghệ

Chịu trách nhiệm chính trong việc tổ chức triển khai Khung kiến trúc số thành phố Huế với các trách nhiệm cụ thể sau:

a) Là cơ quan thường trực giúp việc cho UBND thành phố trong việc theo dõi, giám sát quá trình triển khai Khung kiến trúc số thành phố; phối hợp với các Sở, ban, ngành xây dựng kế hoạch triển khai chi tiết cho các dự án theo từng lĩnh vực;

b) Chủ trì đề xuất cơ chế, chính sách, giải pháp phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, chuyển đổi số phục vụ triển khai Khung kiến trúc số của thành phố để trình thành ủy, UBND thành phố xem xét, quyết định;

c) Quản lý hạ tầng công nghệ thông tin dùng chung của thành phố và bảo đảm cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin để triển khai các thành phần của Khung kiến trúc số;

d) Chủ trì, xây dựng kế hoạch triển khai chi tiết các hoạt động Chính quyền số dựa trên Khung kiến trúc số;

e) Chủ trì, xây dựng ban hành các văn bản pháp luật, các văn bản hướng dẫn về việc áp dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật phục vụ cho triển khai Khung kiến trúc số;

g) Chủ trì xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp chính quyền số và triển khai tích hợp dịch vụ, ứng dụng đối với các hệ thống thông tin của thành phố, đảm bảo khả năng kết nối hệ thống, chia sẻ dữ liệu, dùng chung hạ tầng;

h) Chủ động nắm bắt các khó khăn, vướng mắc có khả năng ảnh hưởng đến chất lượng, lộ trình/kế hoạch triển khai Khung kiến trúc số và phối hợp với các Sở, ban, ngành để tìm phương án giải quyết, báo cáo UBND thành phố xem xét, quyết định đối với các vấn đề vượt quá thẩm quyền. Đồng thời, đề xuất các cơ chế chính sách cần thiết thúc đẩy kết quả, tiến độ, chất lượng triển khai Khung kiến trúc số;

i) Phối hợp với Sở Tài chính xây dựng dự toán kinh phí thực hiện các chương trình, dự án trình UBND thành phố xem xét, phê duyệt;

k) Phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan cơ liên quan chỉ đạo triển khai trên địa bàn các nhiệm vụ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực công nghệ, đào tạo kỹ năng sử dụng công nghệ cho cán bộ công chức, công dân phục vụ vận hành, khai thác các hệ thống của Chính quyền số;

l) Chủ trì, đầu mối phối hợp với Sở, ban, ngành để tổ chức triển khai áp dụng Khung kiến trúc số trong việc tổ chức triển khai các dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin cũng như các hoạt động chính quyền số; tuyên truyền, phổ biến Khung kiến trúc số;

m) Phối hợp, hỗ trợ, hướng dẫn các đơn vị trên địa bàn thành phố trong việc đảm bảo thiết kế kỹ thuật của các hệ thống thông tin của các đơn vị đáp ứng các yêu cầu của Khung kiến trúc số; kiểm tra và giám sát việc tuân thủ Khung kiến trúc số;

n) Chủ trì theo dõi, giám sát tình hình thực hiện nội dung của Khung kiến trúc số, tổng hợp báo cáo UBND thành phố (định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu) và tổ chức sơ kết hàng năm thực hiện Khung kiến trúc số để rút kinh nghiệm thực tiễn trong quá trình thực hiện;

o) Quản lý duy trì, cập nhật, nâng cấp Khung kiến trúc số khi có sự thay đổi về chính sách, các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương hoặc các phát sinh các yêu cầu mới về nghiệp vụ, các thay đổi về công nghệ... Tăng cường mối quan hệ, tranh thủ sự giúp đỡ của các bộ, ngành Trung ương, đặc biệt về chuyên môn nghiệp vụ và sự hỗ trợ, tăng cường năng lực quản lý, ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin của Bộ Khoa học và Công nghệ trong quá trình thực hiện Khung kiến trúc.

## **2. Các sở, ban, ngành và UBND cấp xã**

a) Các sở, ban, ngành và UBND cấp xã có trách nhiệm chủ trì/phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ cùng cơ quan liên quan triển khai các dự án thuộc phạm vi phân công căn cứ trên nội dung Khung kiến trúc số, đồng thời, phối hợp với các đơn vị khác trong việc thực hiện các dự án liên quan đến nhiều Sở, ban, ngành và các dự án dùng chung của toàn thành phố, đặc biệt là các dự án cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình cho công dân, doanh nghiệp có liên thông quy trình;

b) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ để xây dựng kế hoạch thực hiện hàng năm cho các công việc, dự án được giao, xác định quy mô, phạm vi, nhu cầu nguồn lực, giải pháp công nghệ, các bước thực hiện cụ thể trình UBND thành phố phê duyệt;

c) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức khảo sát, đánh giá toàn bộ hiện trạng hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin cùng các yêu cầu, nhu cầu đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số để phục vụ triển khai các chương trình/dự án đề xuất trong Khung kiến trúc số;

d) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nội vụ rà soát nguồn nhân lực công nghệ thông tin hiện có để đề xuất kế hoạch, phương án bổ sung, phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin đảm bảo đáp ứng cả về chất lượng, số lượng phục vụ tham gia triển khai Khung kiến trúc số;

đ) Nghiên cứu các nguyên tắc định hướng áp dụng vào các hoạt động, dự án, đề xuất của đơn vị liên quan đến việc xây dựng Chính quyền số, trong đó, đặc biệt quan tâm xây dựng lộ trình cung cấp các sản phẩm, dịch vụ đảm bảo các lợi ích đến được với mọi tầng lớp nhân dân;

e) Tổ chức triển khai dự án trên cơ sở các quy định và hướng dẫn của UBND thành phố và Sở Khoa học và Công nghệ, đảm bảo tuân thủ Khung kiến trúc số, chịu trách nhiệm thực hiện các dự án được phân giao và định kỳ báo cáo kết quả, tiến độ thực hiện;

g) Chủ động tham mưu cho UBND thành phố ban hành những cơ chế, chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển Khung kiến trúc số;

h) Thường xuyên tổng kết kinh nghiệm thực tiễn, hiệu quả, khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, báo cáo UBND thành phố, nhất là các vấn đề liên quan đến nâng cao chất lượng phục vụ công dân, doanh nghiệp và phát triển bền vững;

i) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ cùng các cơ quan liên quan thực hiện kiểm tra, đánh giá về kết quả, hiệu quả triển khai Khung kiến trúc số định kỳ hàng năm để báo cáo, tham mưu UBND thành phố về việc đề xuất thay đổi nội dung dự án đầu tư, lộ trình, mức độ ưu tiên... đảm bảo phù hợp với tình hình, nhu cầu thực tế của cơ quan, đơn vị.

### **3. Giải pháp về nguồn nhân lực**

a) Kiện toàn đội ngũ lãnh đạo công nghệ thông tin, Chuyển đổi số; bổ sung, kiện toàn, nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin tại các cơ quan, đơn vị; Đào tạo, nâng cao nhận thức cho cán bộ lãnh đạo cơ quan nhà nước các cấp về phát triển Chính quyền số; bố trí biên chế để có đội ngũ vận hành, giám sát và quản trị các hệ thống thông tin; có chế độ đãi ngộ, thu hút nhân tài đối với đội ngũ cán bộ công nghệ thông tin làm việc tại các cơ quan trong hệ thống chính trị của thành phố Huế;

b) Đào tạo, nâng cao trình độ cán bộ, công chức về công nghệ thông tin; tăng cường liên kết hợp tác trong hoạt động đào tạo công nghệ thông tin, đặc biệt chú trọng đến việc đào tạo đội ngũ chuyên gia về công nghệ thông tin, chuyển đổi số tạo lực lượng nòng cốt, lan tỏa kiến thức, kỹ năng cho phát triển Chính quyền số tại địa phương. Các chuyên gia công nghệ thông tin phải nắm bắt được các xu thế công nghệ mới, các bài học kinh nghiệm, quy định pháp luật, mô hình, quy định kỹ thuật trong triển khai Chính quyền số;

c) Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số, kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu cho cán bộ, công chức, viên chức hàng năm để sẵn sàng chuyển đổi môi trường làm việc sang môi trường số; Xây dựng khung kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức và tổ chức đánh giá kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức;

d) Đưa nội dung đào tạo về Chính phủ số vào Chương trình đào tạo của các trường, cơ sở đào tạo cán bộ, công chức, viên chức, các trường đào tạo chuyên ngành về công nghệ thông tin và truyền thông, chuyển đổi số;

đ) Thu hút lực lượng chuyên gia cao cấp trong và ngoài nước có kinh nghiệm triển khai tham gia đào tạo trong các chương trình đào tạo; xây dựng mạng lưới chuyên gia về Chính quyền số;

e) Thường xuyên đào tạo trực tuyến về Chính quyền số cho mọi đối tượng, đặc biệt là cho các cơ quan nhà nước; tổ chức huấn luyện, diễn tập đảm bảo an toàn, an ninh mạng cho Chính quyền số.

#### **4. Giải pháp về cơ chế, chính sách**

a) Xây dựng văn bản thúc đẩy tăng cường hợp tác quốc tế và liên doanh liên kết, hợp tác công tư, thuê dịch vụ để phát triển công nghệ thông tin, chuyển đổi số;

b) Xây dựng các cơ chế chính sách thu hút, khuyến khích tạo điều kiện, ưu đãi cho các doanh nghiệp tham gia đầu tư, triển khai xây dựng các hệ thống, thành phần của Khung kiến trúc số hướng tới xây dựng Chính quyền số toàn diện;

c) Xây dựng các quy chế, quy định liên quan đến bảo đảm an toàn an ninh thông tin, quy trình giải quyết, xử lý các thủ tục hành chính liên thông giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn, tạo cơ sở pháp lý cho việc triển khai các hệ thống thông tin liên thông các cấp;

d) Xây dựng văn bản, quy chế hướng dẫn đánh giá chỉ số ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số xây dựng chính quyền số trên cơ sở xác định chỉ số ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số là một trong các tiêu chí để xét duyệt thi đua, khen thưởng các cơ quan nhà nước trên địa bàn;

đ) Xây dựng văn bản, quy chế nội bộ hướng dẫn công tác quản lý nhà nước về công nghệ thông tin, hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị thực hiện triển khai Chính quyền số theo đúng Khung kiến trúc và lộ trình thực hiện.

e) Ngoài ra, các văn bản mà thành phố Huế cần ban hành để triển khai Khung kiến trúc số gồm có:

- Văn bản tuyên truyền, phổ biến Khung kiến trúc số, xây dựng Chính quyền số thành phố Huế giai đoạn 2026-2030;

- Văn bản về quy trình quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin trên cơ sở đảm bảo phù hợp Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số; Khung kiến trúc số thành phố;

- Văn bản về quy trình triển khai các hệ thống ứng dụng của thành phố Huế;

- Văn bản về quy trình quản lý, kiểm soát, đánh giá chất lượng các dịch vụ công nghệ thông tin của thành phố Huế;

- Văn bản quy định về kết nối, tích hợp phục vụ chia sẻ thông tin, dữ liệu thành phố Huế đảm bảo bảo mật, an toàn thông tin;

- Văn bản quy định về quản lý, khai thác, vận hành và sử dụng các hệ thống thông tin dùng chung và các hệ thống thông tin chuyên ngành;
- Văn bản quy định về quản lý, khai thác, vận hành hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, đảm bảo an toàn thông tin theo cấp độ;
- Văn bản quy định về các cơ sở dữ liệu hoặc danh mục dữ liệu dùng chung của thành phố Huế (rà soát cập nhật định kỳ);
- Văn bản về chính sách ưu đãi, chính sách thu hút nguồn nhân lực công nghệ thông tin chất lượng cao cho thành phố Huế;
- Quy chế về công bố thông tin trên Cổng/Trang thông tin điện tử hoặc các trang thông tin chuyên ngành khác của thành phố Huế;
- Nghiên cứu xây dựng, quản lý cập nhật các chỉ tiêu, quy trình quản lý và đề xuất nhu cầu ứng dụng công nghệ thông tin.

## **5. Giải pháp về tài chính**

- a) Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, đảm bảo khả thi về nguồn lực triển khai;
- b) Đảm bảo xây dựng ứng dụng có tính cần thiết và khả thi cao, mang lại hiệu quả rõ rệt, tạo hiệu quả đầu tư lâu dài;
- c) Đảm bảo các thủ tục pháp lý, nguồn vốn theo đúng quy định của Nhà nước nói chung và của thành phố Huế nói riêng;
- d) Xây dựng kế hoạch hàng năm với kinh phí chi tiết và trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- đ) Thực hiện duy trì, mở rộng hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước nhằm đảm bảo khả năng vận hành, khai thác hệ thống công nghệ thông tin của thành phố Huế để giảm bớt áp lực về kinh phí, nhân sự;
- e) Hoàn thiện các cơ chế tài chính tạo điều kiện cho mọi loại hình doanh nghiệp công nghệ số nghiên cứu, đầu tư xây dựng các sản phẩm, dịch vụ phát triển Chính phủ số, trước hết là các cơ chế, chính sách về thuê dịch vụ, hợp tác theo hình thức đối tác công tư, sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, thuê, mua các dịch vụ số mới, tham gia các quỹ đầu tư, trung tâm đổi mới sáng tạo;
- g) Bảo đảm huy động mọi nguồn lực tài chính, tăng cường và đa dạng hóa các hình thức đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ công nghệ thông tin sử dụng các nguồn vốn hợp pháp theo quy định của pháp luật về vốn nhà nước và vốn đầu tư công (như đối tác công tư - PPP, vốn hỗ trợ phát triển chính thức - ODA...) để triển khai các nhiệm vụ ưu tiên phát triển Chính quyền số.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- TVTU, TT HĐND thành phố;
- CT và các PCT UBND thành phố;
- Cổng TTĐT thành phố;
- Công báo thành phố;
- VP: CVP, các PCVP và CV;
- Lưu: VT, CN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thanh Bình**